

Số: /2026/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao  
tham gia tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn và thi đấu;

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ... tháng .. năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách tiền lương, chế độ dinh dưỡng; chế độ đãi ngộ đặc thù; chế độ tiền thưởng theo thành tích thi đấu đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Thành viên đội thể thao gồm:

- Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của tỉnh, đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của tỉnh, đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Nhân viên y tế (bác sĩ, kỹ thuật viên y) đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của tỉnh, đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hưởng lương hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này.

3. Những nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn và thi đấu.

## **Điều 2. Tiền lương tập trung tập huấn, thi đấu**

1. Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển; đội tuyển trẻ; đội tuyển năng khiếu của tỉnh; đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng tiền lương như sau:

a) Được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả.

b) Được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương quy định tại điểm a khoản 1 Điều này (tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng) thấp hơn so với tiền lương quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ; đội tuyển năng khiếu của tỉnh, đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và các sở, ngành tỉnh Quảng Ngãi không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu như sau:

a) Huấn luyện viên đội tuyển tỉnh: 430.000 đồng/người/ngày.

b) Huấn luyện viên đội tuyển trẻ của tỉnh: 360.000 đồng/người/ngày.

c) Huấn luyện viên đội tuyển năng khiếu của tỉnh: 360.000 đồng/người/ngày.

d) Huấn luyện viên đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành: 250.000 đồng/người/ngày.

đ) Vận động viên đội tuyển tỉnh: 360.000 đồng/người/ngày.

e) Vận động viên đội tuyển trẻ tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày.

f) Vận động viên đội tuyển năng khiếu của tỉnh: 110.000 đồng/người/ngày.

g) Vận động viên đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành: 90.000 đồng/người/ngày.

**3.** Nhân viên y tế (bác sĩ, kỹ thuật viên y) đội tuyển, đội tuyển trẻ của tỉnh; đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hưởng lương hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu như sau:

a) Nhân viên y tế không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Bác sĩ được chi trả tiền lương bằng tiền lương của huấn luyện viên đội tuyển tương ứng; kỹ thuật viên y được chi trả tiền lương bằng tiền lương của vận động viên đội tuyển tương ứng.

b) Nhân viên y tế đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả; được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương đang hưởng (tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng) thấp hơn so với tiền lương quy định tại điểm a khoản này.

Tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi nhân viên y tế được triệu tập chia cho 26 ngày.

**4.** Các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được hưởng tiền lương làm thêm giờ cho những ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu vượt quá 26 ngày trong tháng. Khoản tiền lương làm thêm giờ được xác định bằng mức tiền trả theo ngày quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này nhân với mức tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ Luật Lao động.

### **Điều 3. Chế độ dinh dưỡng đối với thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu**

**1.** Thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn trong nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ dinh dưỡng như sau:

a) Đội tuyển tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày.

b) Đội tuyển trẻ của tỉnh: 250.000 đồng/người/ngày.

c) Đội tuyển năng khiếu của tỉnh: 190.000 đồng/người/ngày.

d) Đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành: 160.000đ/người/ngày.

**2.** Thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn ở nước ngoài được hưởng chế độ dinh dưỡng hằng ngày theo thư mời hoặc hợp đồng ký kết giữa cơ quan quản lý ở trong nước với cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

**3.** Thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại các khoản 2, 4, 5, 6, 7 Điều 37 Luật Thể dục thể thao năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) được hưởng chế độ dinh dưỡng như sau:

a) Đội tuyển tỉnh: 400.000 đồng/người/ngày.

b) Đội tuyển trẻ của tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày.

c) Đội tuyển năng khiếu của tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày.

d) Đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành: 240.000 đồng/người/ngày.

#### **Điều 4. Chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho vận động viên đạt thành tích xuất sắc**

1. Vận động viên đạt thành tích xuất sắc được hưởng chế độ hằng tháng theo các mức cụ thể như sau:

- Kiện tướng quốc gia: 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Cấp I quốc gia: 1.000.000 đồng/người/tháng.

2. Thời gian hưởng chế độ: Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng chế độ không quá 12 tháng tính từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định phong đẳng cấp.

Ngoài chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên tập huấn tại các đội tuyển quốc gia theo quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành, vận động viên, huấn luyện viên được hỗ trợ hàng ngày như sau:

- Tập huấn đội tuyển quốc gia: 230.000 đồng/người/ngày.
- Tập huấn đội tuyển trẻ quốc gia: 135.000đ đồng/người/ngày.

#### **Điều 5. Chế độ đặc thù đối với vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ**

1. Vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ của tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ 1.100.000 đồng/người/tháng.

2. Vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển năng khiếu của tỉnh, đội tuyển thể thao xã, phường, đặc khu và sở, ngành thuộc tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ 550.000 đồng/người/tháng.

#### **Điều 6. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh tham gia thi đấu lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế**

Huấn luyện viên, vận động viên được thưởng thêm bằng 40% mức thưởng theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 17 và khoản 1, 2, 4 Điều 18 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.

#### **Điều 7. Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia**

1. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu đơn, đôi, đồng đội, toàn đoàn từng môn và tập thể của các giải thi đấu thể thao vô địch quốc gia, mức thưởng cho mỗi giải cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung môn thi đấu	Mức thưởng			
		Huy chương Vàng (giải Nhất)	Huy chương Bạc (giải Nhì)	Huy chương Đồng (giải Ba)	Phá kỷ lục được thưởng thêm
1	Đơn	15.000.000	9.000.000	6.000.000	6.000.000
2	Đôi	22.000.000	16.000.000	10.000.000	
3	Đồng đội	27.000.000	21.000.000	16.000.000	16.000.000
4	Toàn đoàn từng môn	30.000.000	23.000.000	17.000.000	
5	Tập thể, đồng đội (từ 04 đến 10 vận động viên)	65.000.000	45.000.000	35.000.000	
6	Tập thể (từ 11 vận động viên trở lên)	170.000.000	150.000.000	80.000.000	

2. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao vô địch cúp, vô địch các đội mạnh, vô địch các câu lạc bộ quốc gia: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia (trẻ, thiếu niên, nhi đồng, các nhóm tuổi, các giải vô địch U): Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao vô địch khu vực, vùng, miền; các môn thi đấu của Hội thi thể thao quần chúng toàn quốc; Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội Thể thao toàn quốc: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 8. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia**

1. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao quốc gia: Mức thưởng bằng mức thưởng đối với vận động viên tương ứng tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.

2. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch cúp, vô địch các đội mạnh, vô địch các câu lạc bộ quốc gia: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia (trẻ, thiếu niên, nhi đồng, các nhóm tuổi, các giải vô địch U): Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.

4. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao vô địch khu vực, vùng, miền; các môn thi đấu của Hội thi thể thao quần chúng toàn quốc; Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.

5. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu Đại hội Thể thao toàn quốc: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.

6. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.

**Điều 9. Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh**

1. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu đơn, đôi, đồng đội, toàn đoàn từng môn và tập thể của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, mức thưởng cho mỗi giải cụ thể:

*Đơn vị tính: Đồng.*

STT	Nội dung môn thi đấu	Mức thưởng				
		Huy chương Vàng (giải Nhất)	Huy chương Bạc (giải Nhì)	Huy chương Đồng (giải Ba)	Giải khuyến khích, phong cách	Phá kỷ lục được thưởng thêm
1	Đơn	1.000.000	700.000	400.000	200.000	400.000
2	Đôi	1.200.000	900.000	600.000		
3	Đồng đội	1.500.000	1.000.000	700.000		700.000
4	Toàn đoàn từng môn	2.000.000	1.500.000	1.000.000		
5	Tập thể, đồng đội (từ 04 đến 10 vận động viên)	8.000.000	5.000.000	2.000.000	1.000.000	
6	Tập thể (từ 11 vận động viên trở lên)	10.000.000	8.000.000	6.000.000	4.000.000	

2. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch trẻ cấp tỉnh hàng năm: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Hội thi thể thao quần chúng cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh tổ chức: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội Thể thao cấp tỉnh: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Đối với các giải thi đấu TDTT cấp xã, phường, đặc khu và của các sở, ngành: Ban Tổ chức căn cứ quy mô hoạt động, nguồn kinh phí được giao và khả năng huy động các nguồn thu hợp pháp để quyết định cơ cấu giải thưởng; mức chi tối đa không quá 80% mức chi áp dụng cho giải cấp tỉnh.

#### **Điều 10. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh**

1. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh: Mức thưởng bằng mức thưởng đối với vận động viên tương ứng tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này.

2. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch trẻ cấp tỉnh hàng năm: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này.

3. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích các môn thi đấu của Hội thi thể thao quần chúng cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh tổ chức: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này.

4. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội Thể thao cấp tỉnh: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này.

5. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này.

6. Trường hợp huấn luyện viên có từ 02 vận động viên trở lên lập thành tích tại nội dung môn thi đấu của giải thi đấu thể thao tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này thì mức thưởng bằng mức thưởng cao nhất của 01 vận động viên.

#### **Điều 11. Kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện Nghị quyết này. Nhiệm

vụ thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

### **Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 13. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng 4 năm 2026.

2. Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao đang tập trung tập huấn và thi đấu của tỉnh Quảng Ngãi; STT 3 Phụ lục Danh mục các nghị quyết quy phạm pháp luật quyết định áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc áp dụng các nghị quyết quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa ... Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ..... tháng 4 năm 2026./.*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính;
- Vụ Pháp chế Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT.

#### **CHỦ TỊCH**